

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

-----***-----

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÓM TẮT
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2030
HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Quỳnh Phụ, năm 2021.

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	i
I. SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN.....	1
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2030 HUYỆN QUỲNH PHỤ.	1
2.1. Các văn bản pháp lý	1
2.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ.....	2
III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ	3
3.1. Mục tiêu.....	3
3.2. Yêu cầu.....	3
3.3. Nhiệm vụ của gói thầu	4
IV. NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	4
PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	5
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	5
1.2. Phân tích đặc điểm nguồn tài nguyên	7
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường	9
1.4. Đánh giá chung.....	9
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI.....	10
2.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực kinh tế.....	10
2.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực xã hội.....	10
PHẦN II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	13
I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỶ TRƯỚC	13
II. ĐÁNH GIÁ CHUNG	15
2.1. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.	15

2.2. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	16
PHẦN III. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	18
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	18
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	18
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	20
2.1. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	20
2.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch.....	22
PHẦN IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	24
I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	24
1.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất	24
1.2. Giải pháp sử dụng đất bền vững trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu	24
1.3. Giải pháp về khoa học công nghệ.	25
1.4. Giải pháp bảo vệ môi trường.....	25
II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN	26
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	27
I. KẾT LUẬN.....	27
II. KIẾN NGHỊ.....	28

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

Đất đai là tài nguyên hữu hạn, tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Với vị trí và vai trò đặc biệt của đất đai, cần thiết phải có một chiến lược tổng thể sử dụng nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất đã được thể chế hóa bằng hệ thống các văn bản pháp luật. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất...vv, đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu của Nhà nước nhằm quản lý sử dụng đất tiết kiệm có hiệu quả và bảo vệ môi trường, làm giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Xác định rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với việc thúc đẩy sự phát triển đi lên một cách đồng bộ, thống nhất hài hoà giữa các mặt của địa phương. Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; các Văn bản pháp luật hiện hành; các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Bình và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường. UBND huyện Quỳnh Phụ tổ chức thực hiện “*Lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ*”.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2030 HUYỆN QUỲNH PHỤ.

2.1. Các văn bản pháp lý

- Các Luật, Nghị quyết của Quốc hội: Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

- Các Nghị định của Chính Phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch 2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 16/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Các Văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện; số 4887/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 09/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030;

- Các Văn bản của UBND tỉnh Thái Bình: Số 4300/UBND-KTTNMT ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh Thái Bình về việc lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện; số 4443/UBND-KTTNMT ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Thái Bình về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2020-2030;

- Văn bản số 2459/STNMT-QLĐĐ ngày 17/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 và lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện, thành phố;

- Các quy định hiện hành của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

2.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ

- Các Nghị quyết, Quyết định và hướng dẫn thực hiện của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Thái Bình về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

- Các Nghị quyết, Báo cáo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Quỳnh Phụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Hồ sơ tài liệu kết quả kiểm kê đất đai năm 2010, 2014, 2019; thống kê đất đai năm 2020;

- Niên giám thống kê, số liệu thống kê huyện Quỳnh Phụ năm 2020;

- Báo cáo tổng kết công tác Tài nguyên và Môi trường qua các năm 2011-2020;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của huyện Quỳnh Phụ và của cấp xã của huyện Quỳnh Phụ;

- Các số liệu, tài liệu có liên quan khác có liên quan.

III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

3.1. Mục tiêu

- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện Quỳnh Phụ nói chung và của các xã, thị trấn nói riêng trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền (huyện, thị trấn, xã) tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của giai đoạn 2011-2020. Rà soát kết quả thực hiện quy hoạch giai đoạn 2011-2020; xác định các chỉ tiêu chưa thực hiện được đối với phần diện tích được phân bổ sử dụng cho các mục đích khác nhau; kết quả phần diện tích phải chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ đánh giá tổng quát về nguồn tài nguyên đất đai hiện có; xây dựng, lựa chọn phương án sử dụng đất hiệu quả, bền vững làm cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt nhất mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương của cả giai đoạn.

3.2. Yêu cầu

- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ phải được lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đất đai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và các quy định hiện hành; xây dựng nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ và tỉnh Thái Bình, trên cơ sở phù hợp với các Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch sử dụng đất 2021-2025 của tỉnh Thái Bình.

- Bám sát các yêu cầu của dự án đã được nêu trong hồ sơ mời thầu và quy định kỹ thuật hướng dẫn hiện hành có liên quan;

- Phải phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng môi trường tác động đến việc sử dụng đất;

- Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất huyện Quỳnh Phụ giai đoạn 2011-2020; từ đó làm rõ những mặt được, khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý sử dụng đất cũng như việc lập, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để làm cơ sở lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030;

- Xác định và cân đối nhu cầu sử dụng đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện và mục tiêu phát triển của các ngành, lĩnh vực và cấp xã giai đoạn 2021 - 2030, đảm bảo việc sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Đảm bảo tính đặc thù, liên kết giữa các đơn vị hành chính cấp xã trong huyện cũng như các đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh và các tỉnh khác trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và lợi thế của từng khu vực; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch phải đảm bảo tính thực tiễn và khả thi cao, phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện, phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch sử dụng đất huyện Quỳnh Phụ làm cơ sở cho việc thực hiện các dự án, công trình về xây dựng, giao thông, thủy lợi, đất ở... đồng thời cũng là cơ sở để thực hiện một số quy hoạch trên địa bàn huyện. Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được duyệt, các xã, thị trấn phải triển khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cơ sở mình cùng kỳ.

3.3. Nhiệm vụ của gói thầu

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.

- Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước và tiềm năng đất đai.

- Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030.

- Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan.

- Phục vụ thẩm định, phê duyệt và công bố công khai.

IV. NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

- Việc lập “Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ phải thể hiện nội dung sử dụng đất của cấp xã;

- Bảo vệ nghiêm ngặt đất chuyên trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

- Bảo đảm sự cân bằng giữa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương và khả năng, quỹ đất của quốc gia nhằm sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả;

- Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; thích ứng với biến đổi khí hậu.

Báo cáo tổng hợp “**Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của Quỳnh Phụ**” ngoài các phần Đặt vấn đề; Kết luận và Kiến nghị Báo cáo bao gồm các phần sau:

- Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Phần II: Tình hình quản lý sử dụng đất đai

- Phần III: Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

- Phần IV: Giải pháp thực hiện.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Quỳnh Phụ là huyện nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Thái Bình, có tọa độ địa lý từ 20⁰30' đến 20⁰45' vĩ độ Bắc và 106⁰10' đến 106⁰25' kinh độ Đông với tổng diện tích tự nhiên 20.998,50 ha và 2 hệ thống sông chính là sông Luộc, sông Hóa dài 36 km chảy qua phía Bắc và phía Đông của huyện dẫn nước vào các sông nội đồng. Địa giới hành chính của huyện được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp các huyện Ninh Giang, Thanh Miện tỉnh Hải Dương và huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên;
- Phía Nam: giáp các huyện Đông Hưng và Thái Thụy;
- Phía Đông: giáp huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng;
- Phía Tây: giáp huyện Hưng Hà.

Phía Tây Bắc, dọc theo đường ĐT.396B, qua Cầu Hiệp là tỉnh Hải Dương. Phía Đông Bắc, theo Quốc lộ 10, qua cầu Nghìn là huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Riêng thị trấn Quỳnh Côi là nơi giao nhau của 3 trục tỉnh lộ, đó là ĐT.455, ĐT.396B, ĐT.452 tạo thuận lợi cho việc luân chuyển hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện Quỳnh Phụ nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, nhìn chung địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, đồng ruộng thấp, có độ dốc thoải từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam, giữa huyện tạo thành lòng chảo. Phần này chiếm 62,5% diện tích toàn huyện.

Độ cao trung bình toàn huyện cao khoảng 1,5 m so với mặt nước biển, trong đó khu vực cao nhất đạt khoảng 3 m (thuộc xã Quỳnh Ngọc), khu vực thấp nhất là 0,4 - 0,5 m.

Xét theo địa hình tương đối thì địa hình của huyện chia thành những tiểu vùng khác nhau với địa hình cao, vàn thấp tạo nên những vùng canh tác nhiều loại cây trồng đặc trưng của vùng tạo điều kiện thâm canh tăng vụ, đa canh các loại cây trồng trên toàn địa bàn.

Nhìn chung địa hình Quỳnh Phụ bằng phẳng đất đai được hình thành nhờ quá trình bồi đắp phù sa của hệ thống sông Hồng, sông Luộc, sông Hóa do đó thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp đặc biệt là lúa nước và một số loại cây rau màu.

1.1.3 Khí hậu

Huyện Quỳnh Phụ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm có 4 mùa trong đó có 2 mùa rõ rệt: mùa Hạ nóng ẩm, mưa nhiều; mùa Đông lạnh giá buốt.

- Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 23 - 24⁰C.

- Lượng mưa trung bình hàng năm vào khoảng 1.650 mm, phân bố không đều trong năm, được chia thành 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô (Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau).

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình năm từ 1.400 – 1.600 giờ. Tháng có số giờ nắng cao nhất đạt 220 giờ thường vào tháng 7, tháng có số giờ nắng thấp nhất thường vào tháng 1, 2 hoặc tháng 3 có khoảng 30 giờ, số giờ nắng thuộc loại khá cao thích hợp với sản xuất 2 đến 3 vụ trong năm.

- Độ ẩm không khí trung bình hàng năm là 85%, cao nhất vào các tháng 6, 7, 8, 9 từ 87 – 90% thấp nhất là 82 – 84% vào các tháng 12 và tháng 1 năm sau. Nhìn chung độ ẩm không khí trên địa bàn không có sự chênh lệch nhiều giữa các tháng trong năm.

- Lượng bốc hơi: Lượng bốc hơi nước trung bình hàng năm khoảng 950mm, tháng thấp nhất 90 mm và cao nhất 110 mm.

- Chế độ gió: Gió thổi theo 2 mùa rõ rệt, gió Đông Bắc mang theo không khí lạnh về mùa đông và gió Đông Nam mang theo không khí nóng, mưa nhiều về mùa hè. Chế độ gió không ổn định trong năm kéo theo các điều kiện thời tiết khác đã gây ảnh hưởng lớn đến đời sống sinh hoạt, sản xuất của nhân dân.

1.1.4. Thủy văn

Trên địa bàn huyện có mạng lưới sông dày đặc, phân bố thích hợp cho tưới tiêu tự chảy với các sông chính:

- Hệ thống sông Luộc, sông Hoá dài 36 km chảy qua phía Bắc và phía Đông của huyện dẫn nước và các sông nhánh;

- Sông Yên Lộng, tưới cho khoảng 8.300 ha;

- Sông Sành, sông Diêm Hộ, sông Cô với tổng chiều dài 83 km.

Ngoài ra trên địa bàn còn nhiều sông ngòi nhỏ khác với mật độ tương đối dày đặc và đồng đều trên toàn địa bàn.

- Đặc điểm chung của sông là chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, có độ dốc nhỏ, tiêu, thoát nước chậm, do đó về mùa mưa, mực nước trên các sông lớn, không đáp ứng tiêu thoát nước kịp thời nên gây ngập úng cục bộ một số vùng trong huyện.

Nhìn chung hệ thống thủy văn, nguồn nước của huyện tương đối tốt, đáp ứng đủ cho các nhu cầu về nước tưới nông nghiệp, sinh hoạt cho nhân dân trong cả mùa khô, ngoài ra còn bồi đắp phù sa cho vùng đất ngoài đê tạo nên vùng đất màu mỡ thích hợp cho canh tác nông nghiệp.

1.2. Phân tích đặc điểm nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Căn cứ nguồn gốc phát sinh đất đai, trên địa bàn huyện có những nhóm đất chính sau:

- Đất phèn: Đất có độ pH_{KCL} từ 2,8 đến 3,5; Fe^{+2} , Al^{+3} di động cao tạo thành chua axít, tuy nhiên đất này có diện tích nhỏ, trong đó lớp đất phèn (tầng sinh phèn) chủ yếu nằm cách mặt đất khoảng 25 – 26 cm, nếu diện tích đất này được trồng lúa nước quanh năm có thể hạn chế được phèn bốc lên tầng đất canh tác do đó không ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

- Đất phù sa: Đất phù sa chiếm chủ yếu diện tích đất tự nhiên của huyện, gồm đất phù sa của hệ thống sông Thái Bình và sông Luộc, về cơ bản có thể chia thành 2 loại đặc trưng là đất phù sa được bồi hàng năm (diện tích đất nằm ngoài đê – rất ít) và đất phù sa không được bồi hàng năm (diện tích đất nằm trong đê).

+ Đất phù sa không được bồi hàng năm: Đất có màu nâu đôi chỗ có màu bạc trắng do canh tác không hợp lý dẫn tới đất bị thoái hoá, đất có thành phần cơ giới thịt nhẹ, cát rất ít khu vực là thịt nặng và sét, đất có phản ứng trung tính pH_{KCL} từ 4,5 đến 7,0 tùy từng khu vực và tùy từng loại hình canh tác; đạm, lân, đạt từ trung bình tới khá.

+ Đất phù sa được bồi hàng năm: Đặc tính dễ nhận biết của loại đất này là tính xốp lớn, đất có màu nâu tươi, đất có thành phần cơ giới thịt trung bình, đôi khi thịt nặng hoặc sét, pH_{KCL} từ 5,5 đến 6,5, Cation trao đổi từ 1- 4 Đl/100g đất. Hàm lượng lân tổng số, dễ tiêu đạt trung bình đến khá, đạm khá và hàm lượng mùn ở mức trung bình.

Theo số liệu kiểm kê đất đai tính đến ngày 31/12/2017 tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 20.998,50 ha, trong đó đất nông nghiệp là 14.690,55 ha, đất phi nông nghiệp 6.267,29 ha còn lại là đất chưa sử dụng với diện tích 40,66 ha.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015-2020 và chủ trương tích tụ ruộng đất của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; căn cứ sự chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 322/UBND-NNTNMT ngày 03/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc cơ chế tích tụ ruộng đất phục vụ sản xuất hàng hóa tại tỉnh Thái Bình; Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và đạt được kết quả như sau:

- Kết quả rà soát diện tích đất toàn huyện: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện: 13.458 ha; trong đó đất trồng cây hàng năm là 12.331 ha, đất trồng cây lâu năm là 1.127 ha. Trong số diện tích đất trồng cây hàng năm là 12.331 ha: Đất cây 02 vụ lúa là: 4.042 ha; đất cây 02 vụ lúa, 01 vụ đông là: 7.027 ha; đất chuyên màu là: 1.262 ha;

- Kết quả rà soát đối với 10 xã (thị trấn) gồm: TT An Bài, xã An Ninh, xã An Cầu, xã An Thái, xã An Đồng, xã An Khê, xã Quỳnh Hoa, xã Quỳnh Thọ, xã Quỳnh Giao, xã Quỳnh Hoàng: Các xã, thị trấn trên nằm ven sông Luộc và sông

Hóa, nhân dân địa phương có truyền thống làm nông nghiệp; các địa phương đều có diện tích đất tốt ở các chân đất có thể sản xuất lúa nước, cây màu; đặc biệt có phần diện tích đất bãi ven sông nhiều năm phù sa bồi đắp chuyên sản xuất các cây màu cho giá trị kinh tế cao như ớt, khoai tây, ngô, ...;

- Trên địa bàn các đơn vị nêu trên hiện nay đã xuất hiện một số mô hình tích tụ như: mô hình trồng cây dược liệu ở Quỳnh Hoa, trồng Cà rốt xuất khẩu ở Quỳnh Hoàng cho giá trị kinh tế cao; ngoài ra một số hộ đã tự dồn đổi, thuê ruộng để canh tác nhưng quy mô nhỏ (chỉ từ 2 ha – 5 ha).

* Tổng số diện tích đất sản xuất nông nghiệp của 10 đơn vị: 3.850,36ha, trong đó:

- Đất trồng cây lâu năm là: 295,49 ha:

- Đất trồng cây hàng năm: 3.554,87 ha; trong đó:

+ Đất trồng lúa: 3.225,95 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 328,92 ha;

* Diện tích đất được các hộ đồng thuận cho thuê là: 1.372,95 ha, trong đó

- Đất cấy 02 vụ lúa: 639,72 ha;

- Đất cấy 02 vụ lúa, 01 vụ đông: 618,23 ha;

- Đất chuyên màu: 115 ha.

1.2.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Huyện Quỳnh Phụ có 2 con sông lớn là sông Hoá và sông Luộc cùng hệ thống sông, kênh mương và rất nhiều ao hồ, đầm chứa nước với mật độ tương đối lớn, cung cấp đầy đủ cho sản xuất và sinh hoạt cho dân cư trong huyện.

- Nguồn nước ngầm: Theo những khảo sát trước đây cho thấy: Nguồn nước ngầm của huyện có mực nước nông, chất lượng nước không đồng đều, khối lượng lớn được chứa ở hai tầng Holoxen và Pleitoxen đều có khả năng khai thác và đưa vào sử dụng song hiện nay mức độ khai thác sử dụng còn ít, trong tương lai có nhiều tiềm năng mở rộng khai thác trên diện rộng để phục vụ nhu cầu nước sạch của người dân ngày một tăng.

1.2.3. Tài nguyên nhân văn

Quỳnh Phụ là huyện hợp nhất của 2 huyện Phụ Dực và Quỳnh Côi, văn hóa của huyện là đặc trưng của nền văn hoá truyền thống nhân văn giàu tình làng nghĩa xóm đậm đà bản sắc dân tộc từ lâu đời của người Việt.

Huyện Quỳnh Phụ là nơi có nhiều địa danh gắn liền với các cuộc chiến tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm phương Bắc từ thời bà Trưng đến thời Lý, Trần... và sau này là chống Pháp, Mỹ. Cho đến nay trên địa bàn huyện vẫn còn lưu giữ được nhiều lễ hội truyền thống giàu tính nhân văn như lễ hội làng La Vân - Quỳnh Hồng, hội đèn Đòng Bằng - An Lễ, hội làng Vọng Lỗ - An Vũ, hội làng Đông Linh - An Bài; khu di tích lịch sử văn hóa đền Trần A Sào và Bến

Tượng tại xã An Thái đã được xếp hạng cấp Quốc gia....

Trong thời kỳ đổi mới bên cạnh việc giữ gìn bản sắc dân tộc, nhân dân trong huyện đã và đang ngày một tiếp thu văn hoá hiện đại thông qua hệ thống truyền thông và các hình thức tuyên truyền của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, nêu cao tinh thần cộng đồng trong công cuộc hoà nhập với sự phát triển chung của khu vực.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Bảo vệ môi trường đang là vấn đề cấp bách mang tính đồng bộ và đang được quan tâm.

Là huyện có nền sản xuất chính là nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng như đô thị thương mại, dịch vụ đang trên đà phát triển nên môi trường cảnh quan của huyện chưa bị ảnh hưởng nhiều của các hoạt động này do vậy môi trường đất, môi trường nước, không khí của huyện còn tương đối trong lành. Tuy nhiên còn tồn tại một số điểm ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, nhà máy ở khu công nghiệp cầu nghìn, các hộ chăn nuôi trong các khu dân cư.

Trong tương lai khi công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ phát triển ở mức cao hơn, đặc biệt là dọc theo tuyến quốc lộ 10, đường tỉnh 451, 452, 455, 396B với lượng rác thải, nước thải, khí thải không nhỏ được thải qua môi trường sẽ không tránh khỏi môi trường bị ảnh hưởng theo chiều hướng đi xuống. Vì vậy, ngay từ bây giờ cần phải có các biện pháp thiết thực để tránh ô nhiễm môi trường có thể xảy ra nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Thuận lợi

- Vị trí là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Thái Bình có vai trò kết nối kinh tế xã hội tỉnh Thái Bình với các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và đặc biệt là Hải Phòng - một cực trong tam giác tăng trưởng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh);

- Huyện có diện tích tương đối rộng với hơn 20.000 ha số đơn vị hành chính là 37 xã, thị trấn, cơ cấu đất đai đa dạng, có điều kiện thuận lợi cho phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; phát triển công nghiệp, bố trí cây trồng, vật nuôi, phát triển dịch vụ, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng...

- Mạng lưới giao thông thuận lợi với nhiều tuyến đường như: Quốc lộ 10, đường cao tốc Thái Bình - Hà Nam; đường tỉnh ĐT.396B, ĐT.451, ĐT.452, ĐT.455 và 17 tuyến đường huyện từ ĐH.72 đến ĐH.84 các tuyến đường này giúp cho việc giao lưu buôn bán giữa các xã trong huyện và giữa huyện với các huyện, các tỉnh lân cận thuận lợi. Bên cạnh đó huyện còn có hệ thống các sông lớn bao quanh thuận lợi cho giao thông đường thủy phát triển thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi cho xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng giao thương với các xã trong huyện cũng như ngoài huyện.

- Lực lượng lao động của huyện đông đảo cần cù sẽ là một yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế của huyện trong những năm tới.

1.4.2. Khó khăn, hạn chế:

- Quá trình hội nhập kinh tế trong thời gian tới sẽ tạo sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt hơn đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong khi nội lực chưa đủ mạnh, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, việc kêu gọi đầu tư từ bên ngoài gặp khó khăn.

- Khí hậu có nhiều yếu tố bất lợi, chịu nhiều ảnh hưởng của lũ lụt, hạn hán xảy ra, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

Năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh, thiên tai, nhất là tác động của đại dịch Covid-19, song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các sở ngành của tỉnh, huyện Quỳnh Phụ đã thực hiện tốt mục tiêu kép, vừa chủ động phòng chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế.

2.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực kinh tế

Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) ước đạt 19.742,6 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó: GTSX Khu công nghiệp ước đạt 4.011,3 tỷ đồng, giảm 8,9%. Trừ Khu công nghiệp, các lĩnh vực còn lại ước đạt 15.731,3 tỷ đồng, tăng 4,1%.

Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản ước đạt 3.658,6 tỷ đồng, tăng 2,9%.

Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp – Xây dựng ước đạt 13.349,2 tỷ đồng, tăng 0,4% (trong đó: Công nghiệp-TTCN ước đạt 10.917,6 tỷ đồng, giảm 1,3%; Xây dựng ước đạt 2.431,6 tỷ đồng, tăng 8,8%).

Giá trị sản xuất ngành Thương mại – Dịch vụ ước đạt 2.734,8 tỷ đồng, tăng 2,8%.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 988,536 tỷ đồng, bằng 83,5% so với năm 2019, trong đó chi đầu tư phát triển kinh tế 184,4 tỷ đồng, giảm 45,5% so với cùng kỳ, chiếm 19% tổng chi ngân sách; chi thường xuyên 797,8 tỷ đồng, bằng 101% so với cùng kỳ; đảm bảo kịp thời đầy đủ chế độ cho các đối tượng được hưởng và các nhiệm vụ chính trị địa phương.

2.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực xã hội

2.2.1. Hoạt động văn hóa- thông tin, thể thao, truyền thanh, truyền hình

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, hiệu quả, chất lượng, bám sát các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của huyện, trong đó tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức của mọi

tăng lớp nhân dân về phòng chống dịch bệnh, thực hiện nhiệm vụ kép, vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế; tuyên truyền chào mừng Đại hội đảng các cấp...

Công tác quản lý các hoạt động văn hóa, thể thao được tăng cường, thường xuyên kiểm tra các điều kiện kinh doanh của các cơ sở kinh doanh; chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao trong điều kiện đảm bảo an toàn về phòng chống dịch Covid.

Hoạt động viễn thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được quan tâm chỉ đạo. Hệ thống viễn thông được đầu tư nâng cấp, sóng thông tin di động 3G, 4G đã phủ sóng toàn huyện, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân; thiết lập, phục vụ các cuộc họp trực tuyến đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành các cấp chính quyền thông suốt, hiệu quả. Hệ thống phát thanh, truyền thanh trên địa bàn huyện được trang bị máy vi tính, máy ghi âm KTS, tiếp thu công nghệ truyền thông không dây đảm bảo hệ thống đường truyền ổn định, chất lượng;

2.2.2. Công tác Giáo dục – đào tạo

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, thường xuyên tổ chức kiểm tra nề nếp dạy, học và các khoản thu đảm bảo đúng quy định. Triển khai các phương pháp dạy và học phù hợp trong thời gian nghỉ giãn cách xã hội; các phong trào thi đua trong toàn ngành sôi nổi, kỉ cương trường học được duy trì và củng cố, trường học an toàn, không có bạo lực học đường, không có học sinh vi phạm pháp luật. Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, tốt nghiệp THCS đạt 100%; Hội khỏe Phù đồng cấp tỉnh đạt giải nhất tỉnh. Công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên được quan tâm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. Năm học 2019-2020, ngành Giáo dục huyện tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Sở Giáo dục xếp thứ nhất.

2.2.3. Công tác dân số, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Chỉ đạo quyết liệt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, huy động toàn bộ hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở vào cuộc; nhân dân tích cực, chủ động cùng tham gia.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm chú trọng, chất lượng khám chữa bệnh, công tác phục vụ của đội ngũ y bác sĩ ngày càng được nâng lên, được nhân dân đánh giá cao. Công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đã tiến hành kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính 18 cơ sở với số tiền là 22.750.000 đ. Tổ chức có hiệu quả kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người. Công tác dân số-KHHGD được chú trọng nhằm thực hiện chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp.

2.2.4. Công tác lao động, việc làm

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng: Tổ chức thăm, tặng quà cho đối tượng chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán với tổng số tiền gần 10 tỷ đồng; chi trả trợ cấp cho đối tượng người có công với tổng số tiền gần 195 tỷ đồng; Hoàn thành Đề án hỗ trợ, cải thiện nhà ở cho người có công với cách mạng, tiếp tục thực hiện hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công với cách mạng ngoài Đề án. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình tại Đài Tưởng niệm liệt sỹ huyện, nghĩa trang liệt sỹ cụm xã An Ấp; Triển khai cải tạo, nâng cấp cụm nghĩa trang liệt sỹ xã An Đông, xã Quỳnh Mỹ.

Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, bảo trợ chăm sóc người khuyết tật, trẻ mồ côi và người cao tuổi, đã thực hiện chăm lo Tết cho hộ gia đình nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng số tiền 1,98 tỷ đồng; đảm bảo 100% người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ BHYT, được hỗ trợ tiền điện, được tiếp cận và vay vốn lãi suất ưu đãi từ ngân hàng CSXH để phát triển kinh tế. Tiến hành rà soát, lập danh sách và cấp kinh phí hỗ trợ cho 6.631 đối tượng người có công; 7434 đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo; 12.455 đối tượng Bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 với tổng số kinh phí 34.204.500.000 đồng. Hoàn thành công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo phương pháp tiếp cận đa chiều đảm bảo đúng yêu cầu của tỉnh, kết quả năm 2020, trên toàn huyện, số hộ nghèo là 2.348 = 2,83%, giảm 189 hộ (0,27%); số hộ cận nghèo 2.590 hộ = 3,12%, giảm 315 hộ so với năm 2019.

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em thực hiện có hiệu quả. Công tác lao động, việc làm, đào tạo nghề được quan tâm, thường xuyên tuyên truyền, động viên các doanh nghiệp quan tâm đến lao động trong điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh. Triển khai thực hiện tốt kế hoạch hành động an toàn vệ sinh lao động năm 2020, không để xảy ra tình trạng cháy nổ, tai nạn lao động gây thiệt hại về người và tài sản.

PHẦN II
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất nông nghiệp có diện tích là 13.065,00 ha. Đến 31/12/2020 diện tích đất nông nghiệp của huyện là 14.423,78 ha, còn 1.358,78 ha đất nông nghiệp chưa được chuyển mục đích.

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất phi nông nghiệp có diện tích là 7.912,00 ha. Đến 31/12/2020 diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 6.559,45 ha, thấp hơn 1.352,55 ha so với quy hoạch được duyệt.

Chi tiết diện tích các loại đất như bảng sau:

Bảng 01: Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (đến 31/12/2020)		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		20.998,50	20.998,48	-0,02	100,00
1	Đất nông nghiệp	13.065,00	14.423,78	1.358,78	110,40
1.1	Đất trồng lúa	10.584,00	11.138,84	554,84	105,24
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>10.584,00</i>	<i>11.135,66</i>	<i>551,66</i>	<i>105,21</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	463,00	865,25	402,25	186,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	855,00	1.149,57	294,57	134,45
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	979,00	1.174,25	195,25	119,94
1.5	Đất nông nghiệp khác	184,00	95,87	-88,13	52,10
2	Đất phi nông nghiệp	7.912,00	6.559,45	-1.352,55	82,91
2.1	Đất quốc phòng	61,00	6,40	-54,60	10,49
2.2	Đất an ninh	7,73	5,51	-2,22	71,28
2.3	Đất khu công nghiệp	412,00	266,29	-145,71	64,63
2.4	Đất cụm công nghiệp	115,00	48,19	-66,81	41,90
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	187,82	27,35	-160,47	14,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	190,46	75,72	-114,74	39,76

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (đến 31/12/2020)		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	4.277,00	3.882,09	-394,91	90,77
	Đất giao thông	2.471,98	2.223,91	-248,07	89,96
	Đất thủy lợi	1.509,55	1.476,00	-33,55	97,78
	Đất công trình năng lượng	16,04	3,05	-12,99	19,01
	Đất công trình bưu chính viễn thông	8,86	1,03	-7,83	11,63
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	35,00	3,92	-31,08	11,20
	Đất xây dựng cơ sở y tế	16,00	10,55	-5,45	65,94
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	119,00	98,94	-20,06	83,14
	Đất xây dựng cơ sở thể thao	83,00	52,03	-30,97	62,69
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	0,00	0,18	0,18	0,00
	Đất chợ	17,57	12,48	-5,09	71,03
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	33,00	0,03	-32,97	0,09
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	38,48	20,51	-17,97	53,30
2.10	Đất ở tại nông thôn	1.618,15	1.431,95	-186,20	88,49
2.11	Đất ở tại đô thị	98,00	71,76	-26,24	73,22
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	75,00	24,59	-50,41	32,79
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,00	1,06	0,06	106,00
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	49,00	51,08	2,08	104,24
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	221,00	205,67	-15,33	93,06
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	55,51	30,89	-24,62	55,65
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	43,59	22,51	-21,08	51,64
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	57,15	0,00	-57,15	0,00
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	30,89	49,03	18,14	158,72
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	324,49	324,88	0,39	100,12
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	14,29	12,63	-1,66	88,38
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	1,44	1,31	-0,13	90,97
3	Đất chưa sử dụng	21,50	15,25	-6,25	70,93

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.1. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

2.1.1. Những kết quả đạt được

- Quy hoạch sử dụng đất của các cấp sau khi được phê duyệt đã tổ chức công bố công khai theo quy định. Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh đến các địa phương.

- Việc đầu tư và triển khai các chương trình, dự án hàng năm tuân theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Chỉ các công trình, dự án được nêu trong quy hoạch mới được triển khai thủ tục đầu tư tiếp theo.

- Công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng được thực hiện căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, là cơ sở pháp lý trực tiếp liên quan.

- Trên cơ sở quy hoạch của các cấp được phê duyệt, các địa phương đã chủ động phân bổ quỹ đất một cách hợp lý cho nhu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đã có sự phối hợp trong quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng trên địa bàn làm tăng tính khả thi của các quy hoạch.

2.1.2. Những tồn tại

- Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất của Huyện như: công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất và các tổ chức còn mang tính chủ quan, các giải pháp để thực hiện dự án chưa đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả; công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án còn khó khăn, vướng mắc do hệ thống chính sách chưa đồng nhất; một số dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất không phù hợp với khả năng và tiến độ thực hiện; một số dự án được giao đất, cho thuê đất chậm triển khai, để hoang hóa, chậm đưa đất vào sử dụng, gây bức xúc trong nhân dân. Chưa khai thác hết tiềm năng về đất đai để tương xứng với lợi thế vị trí của Huyện.

- Trong quá trình triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, chưa đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ do vậy hiệu quả khai thác và thực hiện chưa cao.

- Nguồn lực đầu tư thực hiện các công trình, dự án còn thiếu chủ động và gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, chậm so với quy hoạch nêu ra.

- Nhiều công trình dự án triển khai chậm còn do công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng nên cũng làm giảm tính khả thi trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Việc bố trí quỹ đất cho một số mục đích sử dụng còn chưa bám sát thực tế, việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch còn thiếu đồng nhất. Một số chỉ tiêu như đất đô thị, khu công nghiệp vượt quá nhu cầu thực tế nên có một số dự án đã thu hồi đất nhưng chậm đưa vào sử dụng gây lãng phí.

- Đánh giá thực hiện quy hoạch theo các chỉ tiêu sử dụng đất còn bị ảnh hưởng bởi kết quả thống kê đất đai như việc thay đổi các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai, việc chính xác lại diện tích loại đất đo đạc bản đồ...

- Còn tình trạng sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng sai quy hoạch, kế hoạch được duyệt ở một số địa phương.

- Chất lượng quy hoạch chưa thực sự cao, một số công trình, dự án còn mang tính chủ quan ở một số địa phương nên ảnh hưởng rất lớn đến việc quản lý sử dụng đất.

2.1.3. Nguyên nhân

- Do quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn ban hành còn chậm, không đồng bộ, một số chỉ tiêu sử dụng đất thay đổi liên tục gây khó khăn cho việc xây dựng phương án cũng như quản lý quy hoạch.

- Quy định trong thời gian qua về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều điểm chưa hợp lý: Quy hoạch sử dụng đất của cấp trên phải thể hiện nhu cầu sử dụng đất của cấp dưới làm cho nội dung quy hoạch ở cấp vĩ mô quá chi tiết phải thực hiện kéo dài; chồng chéo nội dung giữa các cấp; quy hoạch ở cấp vĩ mô chưa đủ cơ sở để khống chế, kiểm soát đối với quy hoạch của cấp dưới.

- Các đơn vị có liên quan hầu hết đều có nhận thức về Dự án quy hoạch sử dụng đất là ngành Tài nguyên và Môi trường nên trong giai đoạn đăng ký nhu cầu chưa thực sự đầu tư về mặt thời gian thích đáng dẫn tới việc khi đưa vào thực hiện đạt hiệu quả không cao đôi khi dẫn tới tình trạng quy hoạch treo.

- Một số địa phương chưa thực hiện tốt việc xin ý kiến nhân dân đối với các phương án quy hoạch, việc công bố công khai quy hoạch đã được phê duyệt ở một số đơn vị cấp dưới chưa được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện cơ quan lập quy hoạch chưa tuân thủ đầy đủ trình tự quy định của các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa phương gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng, nhiều công trình, dự án có khó khăn về vốn... cũng làm ảnh hưởng nhiều đến tiến độ triển khai quy hoạch.

2.2. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

- Kinh tế, xã hội phát triển rất nhanh do yêu cầu đẩy mạnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nên nhu cầu sử dụng đất tăng cao và rất đa dạng, làm tăng giá trị của đất đòi hỏi công tác quản lý đất

đại nói chung, quy hoạch nói riêng phải hoàn chỉnh về lực lượng cũng như cơ chế, chính sách mới phù hợp để có thể quản lý tốt theo quy hoạch và pháp luật.

- Qua thực tế quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất, có thể thấy quy hoạch sử dụng đất dễ bị điều chỉnh theo yêu cầu của nhà đầu tư. Do đó, cần có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về phương pháp luận để nâng cao luận chứng của tài liệu quy hoạch sử dụng đất, nâng cao tầm quan trọng của tài liệu quy hoạch trong công tác quản lý điều hành của chính quyền các cấp, đồng thời bổ sung quy định về chấp hành quy hoạch sử dụng đất.

- Việc quy hoạch các khu - cụm công nghiệp cần xem xét tính thống nhất trên quy mô liên vùng, liên tỉnh, liên huyện; gắn với quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công tác bảo vệ môi trường. Vị trí, quy mô các khu - cụm công nghiệp phải phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế tránh tình trạng triển khai chậm tiến độ, tỷ lệ lấp đầy thấp, để hoang hóa trong nhiều năm. Khắc phục và hạn chế bố trí các khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp bám sát các trục quốc lộ, các trục đường có tính chiến lược.

- Tài liệu quy hoạch sử dụng đất cần xác định cụ thể các giải pháp để bảo đảm tính khả thi của việc thực hiện theo quy hoạch.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1. Phương hướng phát triển

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tích cực thu hút đầu tư, phát huy tiềm năng thế mạnh, phấn đấu trở thành huyện phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao hơn nữa vai trò và đóng góp của huyện vào quá trình phát triển của Tỉnh.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế, xây dựng Quỳnh Phụ trở thành một đầu mối trong trục kinh tế phát triển của Tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch, tăng thu ngân sách. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng đô thị, tăng tỷ lệ dân số đô thị.

- Tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế phát triển, tăng cường phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tạo đột phá phát triển kinh tế - xã hội thông qua đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng, cải cách hành chính, đổi mới cơ chế chính sách quản lý thu hút đầu tư, mở rộng ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển một số ngành công nghiệp và dịch vụ trở thành ngành kinh tế chủ lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, bảo vệ và sử dụng tài nguyên môi trường lâu dài.

- Củng cố quốc phòng – an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị cùng phát triển, xây dựng đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng tốt yêu cầu trong giai đoạn mới.

1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

a) Mục tiêu tổng quát

Tăng cường đoàn kết, thống nhất; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao năng lực, vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức

đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tập trung khai thác và phát huy các lợi thế về địa lý, giao thông, tiềm năng trong lĩnh vực nông nghiệp phát triển toàn diện. Phối hợp xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng các khu, cụm công nghiệp thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư kinh doanh và sản xuất nông nghiệp an toàn, quy mô lớn, công nghệ cao. Quan tâm phát triển đô thị và các loại hình dịch vụ thương mại theo hướng hiện đại. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống; nâng cao chất lượng, hiệu quả lĩnh vực xã hội. Tăng cường quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Xây dựng huyện Quỳnh Phụ trở thành huyện phát triển nhanh và bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể chủ yếu đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 12,22%/năm trở lên.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: nông nghiệp, thủy sản: 10,3%; công nghiệp, xây dựng: 77,10 %; thương mại dịch vụ: 12,60%.
- Thu ngân sách (trừ tiền sử dụng đất) tăng bình quân 10%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng/năm.
- Phấn đấu đến năm 2025 có 10 xã trở lên hoàn thành xây dựng nông thôn mới nâng cao và 1-2 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.
- 100% cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, Thu gom xử lý chất thải rắn đạt 97% trở lên.
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 92% trở lên.
- Giữ vững các trường đạt chuẩn quốc gia. Phấn đấu 50% trường mầm non, 100 trường tiểu học đạt chuẩn mức độ 2 và 80% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.
- Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm 0,01%. Duy trì, giữ vững 100% xã chuẩn quốc gia về y tế. Phấn đấu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; tham gia bảo hiểm xã hội đạt 38,3% trở lên. Đến năm 2025 giảm 35% trở lên số hộ nghèo so với năm 2021.
- Giải quyết việc làm mới 5.500 lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% trở lên vào năm 2025, trong đó có bằng, chứng chỉ đạt 23% trở lên. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động giảm còn 30,7%.
- Kết nạp 700 đảng viên mới trở lên. Phấn đấu thành lập ít nhất 01 tổ chức cơ sở đảng trở lên trong doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước.
- Hằng năm, 90% trở lên tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện xếp loại tốt trở lên.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất tỉnh

Theo Luật Quy hoạch năm 2017 thì Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh. Hiện nay Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được Chính phủ phê duyệt và cấp tỉnh chưa phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp huyện.

Tuy nhiên Theo Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch nêu “*Các quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch có thể lập đồng thời. Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn*”. Vì vậy quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ vẫn triển khai lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Căn cứ tình hình thực tế và chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2021-2030. Nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện như sau:

Tổng hợp các hạng mục quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ là: 1.672 hạng mục, tổng diện tích quy hoạch 4.386,77 ha.

(Chi tiết nhu cầu sử dụng đất theo Biểu Danh mục công trình, dự án thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 10 năm (2021-2030) huyện Quỳnh Phụ kèm theo)

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp, cân đối nhu cầu của các ngành, lĩnh vực; thực hiện tổng hợp cân đối (chuyển diện tích tăng, giảm) các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Quỳnh Phụ như sau:

Tổng diện tích tự nhiên huyện Quỳnh Phụ đến năm 2030 là 20.998,48 ha, không biến động so với hiện trạng năm 2020.

- Đất nông nghiệp đến năm 2030 là 11.717,46 ha chiếm 55,8% tổng diện tích tự nhiên, giảm 2.706,32 ha so với năm 2020.

- Đất phi nông nghiệp đến năm 2030 có 9.266,33 ha, chiếm 44,13% tổng diện tích đất tự nhiên, tăng 2.706,88 ha so với năm 2020.

- Đất chưa sử dụng đến năm 2030 còn 14,69 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên. Giảm 0,56 ha so với năm 2020 do khai thác và đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp.

Bảng 02. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quỳnh Phụ

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		So sánh tăng (+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (ha)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		20.998,48	100	20.998,48	100	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	14.423,78	68,69	11.717,46	55,80	-2.706,32
1.1	Đất trồng lúa	LUA	11.138,84	53,05	7.538,00	35,90	-3.600,84
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>11.135,66</i>	<i>53,03</i>	<i>7.534,82</i>	<i>35,88</i>	<i>-3.600,84</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	865,25	4,12	686,49	3,27	-178,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.149,57	5,47	1.401,06	6,67	251,49
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.174,25	5,59	1.344,84	6,40	170,59
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	95,87	0,46	747,07	3,56	651,2
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.559,45	31,24	9.266,33	44,13	2.706,88
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,4	0,03	13,15	0,06	6,75
2.2	Đất an ninh	CAN	5,51	0,03	12,58	0,06	7,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	266,29	1,27	412,00	1,96	145,71
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	48,19	0,23	752,00	3,58	703,81
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	27,35	0,13	394,27	1,88	366,91745
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	75,72	0,36	169,17	0,81	93,45
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.882,09	18,49	4.460,38	21,24	578,29
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>2.223,91</i>	<i>10,59</i>	<i>2.751,87</i>	<i>13,11</i>	<i>527,96</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>1.476,00</i>	<i>7,03</i>	<i>1.435,39</i>	<i>6,84</i>	<i>-40,61</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,05</i>	<i>0,01</i>	<i>22,09</i>	<i>0,11</i>	<i>19,04</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,03</i>	<i>0,00</i>	<i>1,60</i>	<i>0,01</i>	<i>0,57</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>3,92</i>	<i>0,02</i>	<i>15,14</i>	<i>0,07</i>	<i>11,22</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>10,55</i>	<i>0,05</i>	<i>12,32</i>	<i>0,06</i>	<i>1,77</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	<i>DGD</i>	<i>98,94</i>	<i>0,47</i>	<i>121,68</i>	<i>0,58</i>	<i>22,74</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>52,03</i>	<i>0,25</i>	<i>82,07</i>	<i>0,39</i>	<i>30,04</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		So sánh tăng (+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (ha)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,18	0,00	0,18	0,00	0
	Đất chợ	DCH	12,48	0,06	18,04	0,09	5,56
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,03	0,00	24,27	0,12	24,24
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	20,51	0,10	52,12	0,25	31,61
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.431,95	6,82	1.967,78	9,37	535,83
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	71,76	0,34	128,20	0,61	56,44
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,59	0,12	35,04	0,17	10,45
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,06	0,01	0,99	0,00	-0,07
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	51,08	0,24	70,64	0,34	19,563
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	205,67	0,98	290,93	1,39	85,26
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	30,89	0,15	18,09	0,09	-12,8
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	22,51	0,11	33,76	0,16	11,25
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-		38,78	0,18	
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	49,03	0,23	53,22	0,25	4,19
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	324,88	1,55	324,88	1,55	0
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,63	0,06	12,77	0,06	0,14
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,31	0,01	1,31	0,01	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	15,25	0,07	14,69	0,07	-0,56

2.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch

Giai đoạn 2021-2030, Phương án quy hoạch đề xuất giảm 2.793,27 ha đất nông nghiệp để chuyển sang mục đích phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án, trong đó tập trung vào các loại đất trọng điểm là đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp, đất khu dân cư, đất phát triển hạ tầng...

Bảng 03. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	2.793,27
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2.500,43
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	2.500,43
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	105,31
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	53,84
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	129,09
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	4,60
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP	1.208,06
	<i>Trong đó:</i>		-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	246,24
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	306,02
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	548,15
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm	HNK/CLN	38,27
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	10,20
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	24,48
2.7	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	3,50
2.8	Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất trồng lúa	NTS/CLN	31,20
3	Đất phi nông nghiệp chuyển sang đất nông nghiệp	PNN/NNP	86,95
4	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất phi nông nghiệp	CSD/PNN	0,56

PHẦN IV GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất

** Các biện pháp nhằm chống xói mòn, rửa trôi, hủy hoại đất*

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện tự nhiên là điều bắt buộc trong sử dụng đất nông nghiệp. Hạn chế cày, xới bề mặt đất (nhất là trong thời gian mùa mưa), khai thác trắng.

- Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp, mạnh dạn chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp theo công nghệ sinh học và giám sát chặt chẽ việc sử dụng chất thải công nghiệp độc hại trước khi thải ra môi trường chung quanh không ảnh hưởng tới môi trường đất và môi trường sống của nhân dân.

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.

** Các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất*

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị, trung tâm cụm xã, các khu dân cư nông thôn, cụm, điểm tiêu thụ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Đặc biệt lưu ý tăng tỷ lệ đất phi nông nghiệp ở các địa bàn này ngay từ khi lập quy hoạch chi tiết.

- Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thủy lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ...

- Giao đất theo kế hoạch, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời.

** Biện pháp nhằm đẩy nhanh đưa đất trống đồi núi trọc vào sử dụng*

- Giao đất cụ thể đến người sử dụng nhất là đối với những diện tích do UBND xã, thị trấn quản lý hoặc giao cho ngành chủ quản.

- Phát triển cơ sở hạ tầng đến địa bàn đất còn trống.

1.2. Giải pháp sử dụng đất bền vững trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu

Ứng phó với biến đổi khí hậu là một nhiệm vụ thường xuyên và xuyên suốt trong thời kỳ thực hiện quy hoạch, đòi hỏi sự chung tay phối hợp của không chỉ các ban ngành, các địa phương mà còn ở tầm khu vực, quốc gia.

Ứng dụng khoa học công nghệ tưới tiết kiệm nước, kỹ thuật canh tác nông nghiệp tăng sản và giảm nhẹ khí nhà kính (khí Mêtan). Ứng dụng khoa học và công nghệ sinh học trong lĩnh vực lai ghép, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi

năng suất cao, thích ứng với điều kiện khí hậu, thời tiết, thiếu nước ngọt và thổ nhưỡng của địa phương. Sử dụng chất giữ ẩm, vật liệu mới để thu trữ nước. Chú trọng công tác dự báo và phân vùng hạn để chủ động ứng phó và có biện pháp chống hạn hữu hiệu. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất và cung ứng giống chất lượng cao.

Tăng cường công tác tuyên truyền, chuyển giao tiên bộ khoa học – công nghệ về tưới tiết kiệm cho nông dân, xây dựng các mô hình điểm để nông dân học tập, tiếp thu và áp dụng.

Tăng cường đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

1.3. Giải pháp về khoa học công nghệ.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ... nhằm sản xuất ra hàng hóa có số lượng nhiều và chất lượng tốt, giá thành rẻ đối với hàng hóa chủ lực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong xã và các xã lân cận.

- Tăng cường đổi mới cơ chế và hoàn thiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường phù hợp với địa phương, tạo môi trường cho hoạt động khoa học công nghệ trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính; những tiến bộ sử dụng đất độc bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông lâm nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

1.4. Giải pháp bảo vệ môi trường.

Để nền kinh tế xã hội của xã phát triển một cách bền vững trong bối cảnh có nhiều vấn đề môi trường nổi cộm và bức xúc, quá trình tổ chức thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất của xã cần quan tâm đồng bộ các nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường như sau:

- Xây dựng chương trình quản lý và bảo vệ môi trường một cách đồng bộ có hiệu quả. Giáo dục ý thức về bảo vệ môi trường trong nhân dân, trong các đơn vị đến việc xây dựng các tiêu chuẩn, qui định và các phương tiện để quản lý và kiểm soát môi trường mà trọng tâm là các khu vực sản xuất nông nghiệp gần các khu công nghiệp.

- Thực hiện tốt Luật bảo vệ Môi trường 2014, khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, nhất là ở các khu vực đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, bệnh viện,...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường đến từng người dân trên địa bàn xã.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo, thi tìm hiểu... về công tác bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp, phát triển giao thông...

II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sau khi Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, đơn vị, địa phương và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Công bố công khai Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Ưu tiên đầu tư tập trung các công trình, dự án trọng điểm, ưu tiên phát triển thương mại, dịch vụ, sinh thái.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ... đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất, khai thác khoáng sản sau khai thác,... nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Thực hiện quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiến nghị bổ sung và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo pháp luật quy định.

- Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị từ huyện đến các xã, thị trấn. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến pháp luật xây dựng và quản lý trật tự đô thị, chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất,... nhằm nâng cao ý thức của người dân trong công tác giải phóng mặt bằng phát triển đô thị.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ được xây dựng dựa trên cơ sở các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình và nhu cầu sử dụng đất của các lĩnh vực thông qua các quy hoạch, điều chỉnh các quy hoạch ngành đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội của Huyện đến năm 2030.

2. Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 tổng diện tích tự nhiên của Huyện là 20.998,48 ha, không biến động so với năm 2020, trong đó:

- Đất nông nghiệp là 11.717,46 ha, chiếm 55,8% tổng diện tích tự nhiên, giảm 2.706,32 ha so với năm 2020.

- Đất phi nông nghiệp là 9.266,33 ha, chiếm 44,13% tổng diện tích tự nhiên, tăng 2.706,88 ha so với năm 2020.

- Đất chưa sử dụng là 14,69 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,56 ha so với năm 2020.

3. Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ được xây dựng trên phương pháp luận về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn. Kết quả của phương án đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành ở cả tỉnh và huyện, xã... trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai. Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 đảm bảo đáp ứng đầy đủ, hợp lý nhu cầu đất cho sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; đồng thời cũng đảm bảo tính khả thi, phù hợp với nguồn lực đầu tư của huyện cũng như khả năng thu hút vốn đầu tư.

4. Đất dành cho phát triển công nghiệp, sản xuất kinh doanh, du lịch, thương mại - dịch vụ, ... được tính toán có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành các khu, cụm công nghiệp tập trung, có vị trí thuận lợi, cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu mặt bằng sản xuất cho các nhà đầu tư. Các trung tâm thương mại - dịch vụ, các khu du lịch được phát triển với nhiều công trình xây dựng, phục vụ đắc lực cho các hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng của người dân.

5. Đất phát triển hạ tầng như giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục... được UBND huyện quan tâm định hướng quy hoạch, xây dựng mới, cải tạo góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân, thu hẹp khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.

6. Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu thực hiện đô thị hoá. Các khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành điểm sáng văn minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo sức lan tỏa lớn đến quá trình đô thị hoá nông thôn.

7. Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất như đất quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

II. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Hội đồng thẩm định, các sở ngành thẩm định, UBND tỉnh Thái Bình xem xét phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Quỳnh Phụ để kịp thời đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu quản lý, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh và bảo vệ môi trường.

Đề nghị tỉnh Thái Bình quan tâm tạo điều kiện về mọi mặt (về cơ chế, chính sách, về vốn đầu tư,...) cho huyện, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, xây dựng nông thôn mới, hạ tầng phát triển các cụm công nghiệp, cơ sở thương mại – dịch vụ trên địa bàn, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại địa phương./.